TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-10-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tứ,

2. Ông Hoàng Văn Đoan.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2025, tại Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà L Thị H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1982; nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Đội 17, Phân trại 2, trại Giam X, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn (bà L Thị H) trình bày: Bà H và ông L tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (nay là xã T1), thành phố Hải Phòng ngày 30/6/2002. Ông bà chung sống với nhau hòa thuận được hơn 10 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ

chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do ông L ham chơi, ít quan tâm đến gia đình nên ông bà thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không H Pc. Cuối năm 2020, do mâu thuẫn căng thẳng, ông bà đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Trong thời gian sống ly thân, ông H phạm tội và đã bị Toà án xử phạt 14 năm tù vè tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Hiện ông H đang chấp hành án phạt tù tại Đội 17, phân trại 2, Trại giam Xuân Nguyên, thành phố Hải Phòng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L. Ông bà có 02 con chung là Vũ Trọng P, sinh ngày 18/8/2004 và Vũ Nguyên G, sinh ngày 18/5/2008. Khi ly hôn, bà H đề nghị Toà án giao con Nguyên G cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; con Trọng P, đã thành niên, không phải nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con Nguyên G và tài sản chung, bà H tự thoả thuận với ông L, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn (ông Vũ Văn L) trình bày: Những nội dung bà H khai về thời gian, địa điểm kết hôn, con chung giữa ông và bà H là hoàn toàn đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do con chung của ông bà không nghe lời bố mẹ và gia đình nên đã dẫn tới vợ chồng ông bà mâu thuẫn với nhau. Nay, bà H xin ly hôn, ông L không đồng ý ly hôn. Trường hợp bà H cương quyết xin ly hôn, ông L chỉ cần bà H tới gặp gỡ, trao đổi với ông về việc này, ông L sẽ đồng ý ly hôn bà H. Ông và bà H có 02 con chung như bà H khai; con Trọng P đã thành niên, không phải nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn, ông L đồng ý để bà H trực tiếp nuôi con Nguyên G, do ông L hiện đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, ông tự thoả thuận với bà H, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Bà H và ông L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông bà sống hoà thuận tới năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, một phần do ông L ham chơi, ít quan tâm tới gia đình nên vợ chồng thường bất hoà và đã sống ly thân nhau nhiều năm nay. Hiện ông L đang chấp hành án tại Đội 17, Phân trại 2, Trại giam Xuân Nguyên, Hải Phòng về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Ông bà có 02 con chung như trình bày. Trường hợp ông bà ly hôn, Toà án nên giao con nhỏ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp, vì ông L hiện đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi con; con lớn của ông bà đã thành niên, không phải nuôi dưỡng.

Tại phiên toà: Nguyên đơn, vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai; không ai có văn bản quan điểm thay đổi quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và

nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; căn cứ 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho bà L Thị H được ly hôn ông Vũ Văn L; giao con Vũ Nguyên G, sinh ngày 18/5/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con Vũ Trọng P, sinh ngày 18/8/2004, đã thành niên, không phải nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bà L Thị H khởi kiện xin ly hôn ông Vũ Văn L; ông L có đăng ký thường trú tại: Thôn Hào Lai, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không có quan điểm xin vắng mặt (ông L đã được Toà án triệu tập hợp lệ). Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H, ông L.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa bà L Thị H và ông Vũ Văn L được xác lập từ ngày 30/6/2002 là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H xin ly hôn, ông L không đồng ý. Xét thấy, lời khai của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình và địa phương về tình trạng hôn nhân của ông bà, sự phù hợp đó thể hiện: Trong thời gian chung sống, ông bà thường nay sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do ông L ham chơi, nghiện ma tuý, không quan tâm đến gia đình vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không H Pc. Do mâu thuẫn căng thẳng, ông bà đã sống ly thân từ

năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Mặc dù ông L không đồng ý ly hôn nhưng bà H xác nhận không còn tình cảm với ông L, ông L cũng không còn giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho bà H được ly hôn ông L.

[4] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Vũ Trọng P, sinh ngày 18/8/2004 và Vũ Nguyên G, sinh ngày 18/5/2008. Khi ly hôn, bà H đề nghị Toà án giao con Nguyên G cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bà H là công nhân, có thu nhập và nơi ở ổn định; ông L hiện đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi con; quá trình giải quyết vụ án bà H và ông L đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn;. cháu G trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, giao con Vũ Nguyên G cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, ông bà xin tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Con Vũ Trọng P, đã thành niên, không phải nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà L Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L Thị H được ly hôn ông Vũ Văn L.

2. Về con chung: Giao con Vũ Nguyên G, sinh ngày 18/5/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Con Vũ Trọng P, sinh ngày 18/8/2004, đã thành niên, không phải nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà L Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà H đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000004303686 ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hải Phòng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 7 - Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Cấp Tiến (nay là xã Tân Minh), thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 31/2002);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang